

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST

Ngày 21/9/2023

V/v tranh chấp lỗi đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Xiềng

2. Ông Rơ Châm Dương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Đỗ Thị S; có mặt.

1.2. Ông Đỗ Văn H; có mặt.

1.3. Ông Nguyễn Văn K; có mặt.

1.4. Ông Nguyễn Ngọc T; có mặt.

1.5. Ông Trần Văn S; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, thị trấn I, huyện Ia, tỉnh G.

1.6. Ông Lê Xuân T; có mặt.

1.7. Ông Nguyễn Viết D; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện Ia, tỉnh G.

1.8. Bà Nguyễn Thị T; có mặt.

1.9. Bà Hoàng Thị H; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

1.10. Ông Lê Huy H; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện Ia, tỉnh G.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Đ; địa chỉ: Làng Ô, xã I, huyện Ia, tỉnh G; có mặt.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Vương Thị T; địa chỉ: làng Ô, xã I, huyện Ia, tỉnh G; có mặt.

3.2. Ông Rơ Mah P; địa chỉ: làng Ô, xã I, huyện Ia, tỉnh G; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn trình bày:* Các ông, bà Đỗ Thị S, Đỗ Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Ngọc T, Trần Văn S, Lê Xuân T, Nguyễn Viết D, Nguyễn Thị T, Hoàng Thị H và Lê Huy H là những người có rẫy cà phê tại khu vực Đồi T, làng Ô, xã I, huyện Ia, tỉnh Gia Lai. Năm 2013 họ thỏa thuận với ông V, bà Đ và hợp đồng với điện lực để lắp đặt đường điện 3 pha từ đường liên thôn làng Ô đi dọc theo thửa đất của ông V, bà Đ để tưới cà phê. Năm 2018 đường điện bị hư hỏng, các nguyên đơn có đề nghị ông V, bà Đ chặt các cây trồng làm ảnh hưởng đến đường dây điện, đồng thời tạo điều kiện để họ đi lại sửa chữa nhưng họ không đồng ý. Năm 2019 ông V, bà Đ rào lại toàn bộ khu vực có đường điện đi qua, cản trở không cho các nguyên đơn đi vào sửa chữa đường dây điện. Các nguyên đơn cho rằng, bên dưới đường dây điện trước kia đã tồn tại một lối đi chung do một số người dân tự mở để đi lại, canh tác và sản xuất. Tuy nhiên kể từ năm 2013, sau khi lắp đặt đường điện thì tại khu vực rẫy cà phê của các nguyên đơn đã được mở một con đường khác rộng hơn nên họ đi làm bằng con đường này mà không đi qua khu vực có đường dây điện 3 pha nữa. Các nguyên đơn đã nhiều lần khiếu nại và được UBND xã I tiến hành hòa giải nhưng không thành, do vậy các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông V, bà Đ phải tháo bỏ hàng rào, chặt bỏ một số cây bờ lòi và cây cà phê trả lại lối đi chung cho họ tại thửa đất số 72, tờ bản đồ 34, địa chỉ: làng Ô như kết quả đo đạc thực tế với tứ cận: Phía Đông giáp đường nhựa liên thôn dài 2,4m, phía Tây giáp thửa đất số 22 của bà Vương Thị T dài 2,9m, phía Nam giáp đất ông Đ và bà V dài 90m và phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn T dài 90m.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Khoảng tháng 5/1998 ông, bà nhận chuyển nhượng của Tổ sản xuất làng Ô diện tích khoảng 1,1ha đất trồng. Khi nhận chuyển nhượng hiện trạng phía Đông và phía Bắc của thửa đất tiếp giáp với đất ông L (sau này ông L bán lại cho anh Nguyễn Văn T và hiện nay để lại bà Vương Thị T sử dụng) chứ hoàn toàn không có đường đi nào. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông bà đã phát cỏ, dọn dẹp trồng cà phê và có chừa lại ở phần phía Đông giáp đất anh T một đường bờ lô rộng khoảng hơn 02m chạy dọc từ đầu đến cuối thửa đất để thuận tiện cho việc vận chuyển phân bón, chăm sóc và thu hái cà phê. Năm 2011 ông, bà được UBND huyện Ia Grai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác định tổng diện tích là 11.326m² tại thửa số 19, tờ bản đồ số 46 (nay là thửa số 72, tờ bản đồ số 34). Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do thửa đất có đường bờ lô nên trên sơ đồ đất có thể hiện con đường từ đầu đến cuối thửa đất của ông, bà. Khoảng năm 2013 thì có ông Vũ Kim H (chồng của bà T), nhà ở thôn T đến xin ông bà và anh

Nguyễn Văn T cho họ mắc đường điện 3 pha từ đường liên thôn đến khu vực Đồi Thấp. Vì nghĩ là chỗ quen biết và tạo điều kiện cho họ nên ông, bà đã đồng ý ký vào biên bản để điện lực kéo đường điện 3 pha đi phía trên đất của ông, bà. Thời gian sau đường điện bị hỏng mọi người đi sửa chữa thì có yêu cầu gia đình ông bà chặt bỏ cây bởi lời để sửa điện nhưng do họ không đền bù thỏa đáng nên ông bà không chấp nhận. Năm 2019 ông, bà đã rào lại toàn bộ vườn của mình bao gồm cả đường dây điện mà các nguyên đơn đã nhờ đi qua. Nay ông, bà có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn như sau: đường mà các nguyên đơn kiện là đường bờ lô thuộc thửa đất của ông, bà đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng chứ không phải là đường đi chung. Do đó ông, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

** Tại biên bản làm việc ngày 20/7/2023, đại diện UBND huyện Ia Grai cho rằng:* Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, bà Đ cũng như hiện tại không có đường đi nào từ đầu đến cuối thửa số 19, tờ bản đồ số 46 (nay là thửa số 72, tờ bản đồ số 34). Con đường thể hiện trên bản đồ từ đầu đến cuối thửa đất số 72, tờ bản đồ số 34 chỉ là quy hoạch và thuộc quyền sử dụng của ông V, bà Đ.

** Người làm chứng bà Vương Thị T trình bày:* Bà là người có đất giáp với phía Đông và phía Bắc của ông V và bà Đ. Ranh giới giữa đất bà với ông V, và Đ không có đường đi chung nào, chỉ có đường bờ lô trước đây ông V, bà Đ chừa ra để vận chuyển, thu hái cà phê. Mặt khác, nếu có đường đi chung từ đường liên thôn xuống dưới khu vực Đồi Thấp qua đất ông V thì phải đi qua đất của bà, nhưng đất của bà không có lối đi nào và bà cũng không cho phép ai đi qua đó.

** Người làm chứng ông Rơ Mah P trình bày:* Nguyên nguồn gốc đất của ông V và bà Đ là của bố vợ ông là ông C (hiện nay đã chết) khai hoang. Ngày trước có con đường mòn nhỏ đi từ đường liên thôn xuống khu vực Đồi Thấp, con đường đó nằm trên đất của ông C.

Phát biểu quan điểm, đại diện Viện kiểm sát cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Các đương sự cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại đường đi chung, do vậy đây là vụ án “*Tranh chấp lối đi*” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án.

[2]. Nguồn gốc diện tích 11.326 m² tại thửa số 19, tờ bản đồ số 46 (nay là thửa số 72, tờ bản đồ số 34), địa chỉ: làng Ô theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD xxxx do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 14/01/2011 là do ông V, bà Đ nhận chuyển nhượng của Tổ sản xuất làng Ô từ năm 1999. Năm 2013 các nguyên đơn hợp đồng với điện lực và thoả thuận với ông V, bà Đ lắp dây điện 3 pha từ đường liên thôn đến khu vực suối Đ qua thửa đất của ông V, bà Đ và một số người khác. Năm 2018 các nguyên đơn có mâu thuẫn với bị đơn trong việc đi lại sửa chữa đường điện nên dẫn đến tranh chấp. Các nguyên đơn cho rằng phía dưới đường dây điện mà họ lắp đặt là đường đi chung của họ chứ không thuộc đất của ông V, bà Đ nên yêu cầu trả lại.

[3]. Tại biên bản xem xét, thẩm định và đo đạc thể hiện: Diện tích đất thực tế của ông V, bà Đ là 10.848,7m², thiếu 477,3m² so với số liệu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần diện tích mà các nguyên đơn tranh chấp và cho rằng đường đi chung nằm trong thửa đất số 72, tờ bản đồ số 34 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, bà Đ. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V, bà Đ thể hiện: phía Đông và phía Bắc của thửa đất số 72 giáp với đất ông Nguyễn Văn T (nay là do bà Vương Thị T sử dụng) mà không giáp với đường đi nào. Bản đồ địa chính chỉ thể hiện có đường ranh từ đầu đến cuối thửa đất số 72 là kết thúc, mà không có đường tiếp nối nào dẫn đến khu vực Đ. Các nhân chứng có đất gần ông V, bà Đ cũng khẳng định từ trước đến nay không có đường đi chung nào qua thửa đất số 72 (BL số 310, 311, 312). Thực tế các nguyên đơn không thể sử dụng đường này để đi đến khu vực Đ, vì để đi từ đường liên thôn qua thửa đất số 72 đến khu vực Đ phải đi qua thửa đất số 22 của bà Vương Thị T; tuy nhiên thửa đất số 22 trên thực tế và bản đồ địa chính không thể hiện đường đi nào (BL số 271). Do đó các nguyên đơn cho rằng một phần đất phía Đông của thửa đất số 72, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: làng Ô là đường đi chung của các nguyên đơn sử dụng để đi đến khu vực Đ là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án thẩm định và định giá tài sản có tranh chấp là quyền sử dụng đất, đồng thời đã tạm nộp tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 7.000.000đ. Số tiền trên đã chi đủ cho công việc thẩm định và định giá tài sản. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nên căn cứ vào các điều 157, 158, 165 và 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

[5]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông, bà: Lê Xuân T, Đỗ Thị S, Đỗ Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Ngọc T, Trần Văn S, Nguyễn Viết D, Nguyễn Thị T, Hoàng Thị H và Lê Huy H về việc buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Đ trả lại đường đi chung có tứ cận Phía Đông giáp đường nhựa liên thôn dài 2,4m, phía Tây giáp thửa đất số 22 của bà Vương Thị T dài 2,9m, phía Nam giáp đất ông Đ, bà V dài 90m và phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn T dài 90m tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 34, địa chỉ làng O.

2. Về chi phí tố tụng: Các ông, bà Lê Xuân T, Đỗ Thị S, Đỗ Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Ngọc T, Trần Văn S, Nguyễn Viết D, Nguyễn Thị T, Hoàng Thị H và Lê Huy H phải chịu 7.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản. Các ông, bà đã nộp đủ.

3. Về án phí: Các ông, bà: Lê Xuân T, Đỗ Thị S, Đỗ Văn H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Ngọc T, Trần Văn S, Nguyễn Viết D, Nguyễn Thị T, Hoàng Thị H và Lê Huy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây đã nộp là 750.000đ theo biên lai thu số 0008305 ngày 19/10/2021. Trả lại cho các nguyên đơn số tiền còn lại là 450.000đ (*bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Chí Công